TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/DS-PT
Ngày: 23-4-2019
"V/v: Tranh chấp tiền bồi thường tài sản trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ;

Ông Nguyễn Công Sự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về "*Tranh chấp tiền bồi thường tài sản trên đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2018/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện NT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2019/QĐ-PT ngày 26/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2019/QĐ-PT ngày 05/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2019/QĐ-PT ngày 16/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **PNH**, sinh năm: 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Số 346, Ấp 3, xã PK, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư LHH – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 7, Ấp 1, xã LT, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà **NTP**, sinh năm 1941 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 23/9, hẻm 2174, đường HTP, Ấp 3, xã PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **NTKD**, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số 1092/50, Tổ 30, Khu phố 4, phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông PNH; Bị đơn bà NTP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông PNH trình bày:

Năm 2003, ông PNH mượn đất tại xã PK, huyện NT, tỉnh Đồng Nai của nhiều người để trồng dứa Cayen. Qua giới thiệu của ông NNC, ông mượn của bà NTH 0,8ha đất, mượn của em bà Hai là bà NTKD và bà NTP 5,4ha và của con bà P, ông TVC 3,2ha, của bà Lê Thị Hà 6ha và của các hộ dân khác, tổng cộng là 80ha. Ông , bà P lập giấy viết tay về việc cho mượn đất, nội dung cho ông mượn không xác định thời hạn, không tính tiền thuê đất. Do đất khu vực trên, chủ đất là người thành phố Hồ Chí Minh bỏ hoang nên cho ông mượn canh tác để không bị chính quyền địa phương xử phạt vì để đất hoang hóa. Khu đất ông mượn thuộc quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, chủ đất cho mượn đến khi nhà nước đền bù xong thì trả đất để giao cho nhà nước. Khoảng năm 2003, đất ông C bị nhà nước thu hồi một phần, năm 2010 bị thu hồi tiếp, bồi thường cây dứa và công đào mương, ông C nhận và đã trả tiền đủ cho ông . Năm 2005, nhà nước thu hồi một phần đất của bà D, bà P mà ông đào mương, trồng dứa, hai bà đã nhận và giao lại cho ông .

Năm 2006, nhà nước quy hoạch, thu hồi một phần thửa 77, 78 của bà P và một phần diện tích đất của bà D để mở nhà máy Nhiệt điện NT 2. Năm 2007, Hội đồng bồi thường kiểm kê tài sản trên đất gồm dứa Cayen và công đào đắp mương dẫn nước do ông trồng và đào, chi trả tiền bồi thường 14.000 cây dứa Cayen giá 140 triệu đồng trên đất bà P và 11.909 cây dứa Cayen giá 119 triệu đồng trên đất của bà NTKD, công đào đắp mương dẫn nước giá 58.320.000 đồng trên đất bà P. Tổng cộng là 317.320.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên đã chi trả cho bà P, bà P đã nhận nhưng không trả lại cho ông . Ông cũng đã liên hệ nhiều lần để bà P trả tiền nhưng bà P không trả.

Ông khởi kiện yêu cầu bà P trả tiền bồi thường tài sản trên đất thửa 77, 78, tờ bản đồ 45 xã PK, huyện NT, tỉnh Đồng Nai và 119 triệu đồng tiền bồi

thường giá trị của 11.909 cây dứa trên đất bà D mà bà P đã nhận tiền, tổng cộng là 317.320.000 đồng.

- *Bị đơn bà NTP trình bày*: Bà P không quen biết gì và không cho ông mượn đất như ông trình bày trong đơn. Ngoài bản chiết tính bồi thường, ông không cung cấp được giấy tờ có tên ông liên quan đến việc bồi thường tài sản trên đất. Tòa án thụ lý không đúng, yêu cầu đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông .

- *Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTKD trình bày*: Năm 2007, một phần diện tích đất mà bà đứng tên bị thu hồi để mở Nhà máy Nhiệt điện NT 2 tại xã PK, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

Theo biên bản kiểm kê tài sản, trên đất của bà có 11.909 cây dứa Cayen. Từ khi bà nhận chuyển nhượng đất đến nay, bà không sang bán, chuyển nhượng hay cho ai thuê đất để trồng dứa. Số dứa Cayen trên có một số người dân do lợi dụng việc bà ở xa nên đến tự ý trồng, một số do xả lũ nên trôi đến mọc trên đất của bà. Số dứa trên không phải do bà hay bà P trồng. Do không phải là người trực tiếp trồng số dứa trên nên khi kiểm kê thu hồi, bà đề nghị quy chủ cho bà P nhận tiền bồi thường cây dứa Cayen có trên đất của bà.

Bà không nhận tiền bồi thường mà bà P là người trực tiếp nhận, bà cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà P. Bà cũng không tranh chấp gì trong vụ án nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện NT đã căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ khoản 4, Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông PNH đối với bị đơn bà NTP về việc "*Tranh chấp tiền bồi thường tài sản trên đất*".

Buộc bà NTP trả cho ông PNH số tiền 119.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông PNH về việc tranh chấp số tiền bồi thường 198.320.000 đồng đối với 14.000 cây dứa Cayen và mương đào đối với bị đơn bà NTP.

Đình chỉ một phần đơn khởi kiện của PNH về việc tranh chấp tiền lãi của số tiền 273.788.500 đồng với bị đơn bà NTP.

Về án phí: Ông PNH phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 9.916.000đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 13.820.000đ theo biên lai thu số

007574 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NT, trả lại ông 3.904.000đ. Bà NTP được miễn án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 26/11/2018, nguyên đơn ông PNH có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại số tiền 317.320.000 đồng.

- Ngày 05/01/2019, bị đơn bà NTP kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm do Tòa án sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo của các đương sự:

Đối với kháng cáo của ông : Ông cho rằng năm 2003, ông mượn đất của bà P tại các thửa 77 và 78, tờ 45 xã PK để trồng dứa, giữ đất cho bà P. Khi mượn đất giữa ông và bà P có làm giấy, việc thuê đất không xác định thời hạn, khi nào bà P muốn lấy đất thì phải báo trước một năm để ông thu hoạch tài sản trên đất rồi trả lại đất. Theo quyết định thu hồi đất số: 2578/QĐ.UBND ngày 13/11/2007 của Chủ tịch UBND huyện NT thu hồi thửa 77 và 78, tờ bản đồ 45; tại bản chiết tính giá trị bồi thường ngày 07/4/2008 của Hội đồng bồi thường về kiến trúc và cây trồng giá trị là 198.320.000 đồng (bao gồm giá trị 14.000 cây dứa và công đào đắp mương). Tuy nhiên, bà P không thừa nhận việc này, còn ông không có chứng cứ chứng minh về hợp đồng thuê đất và tài sản trên đất là của mình. Vì vậy, đề nghị bác kháng cáo của ông .

Đối với kháng cáo của bà P: 11.909 cây dứa trồng trên đất của Dung được Hội đồng bồi thường huyện NT bồi thường giá trị 119.000.000 đồng. Theo lời khai của bà D và bà P thì không biết ai là người đã trồng dứa trên đất của bà D nhưng qua các nhân chứng xác định số dứa trên do ông trồng. Số tiền bồi thường 119.000.000 đồng, bà D không nhận mà bà P nhận. Do đó, bà P phải trả số tiền này cho ông là phù hợp.

Vì vậy, đề nghị bác kháng cáo của bà P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho ông : Việc chứng minh tài sản trên đất là của ai, không phải chỉ là nghĩa vụ của ông mà bà P cũng

phải có nghĩa vụ chứng minh. Có rất nhiều người làm chứng trong hồ sơ trình bày chính ông là người trồng dứa rất nhiều ở khu vực này, trong đó có thửa 77, 78 của bà P. Con mương nước cũng chính do ông đào để phục vụ cho việc trồng dứa. Bà P là người Thành phố Hồ Chí Minh, nhà có điều kiện, khá giả không thể xuống NT để trồng dứa. Toàn bộ số dứa trồng trên đất bà D và bà P chính là do ông trồng và con mương cũng chính do ông đào. Bà P kháng cáo cho rằng ông không có quyền khởi kiện là không đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông , bác toàn bộ kháng cáo của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Bà P có đơn xét xử vắng mặt, bà D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông yêu cầu bà P trả tiền bồi thường công đào mương và tiền cây dứa Cayen trồng trên đất bà P mà bà đã nhận tiền bồi thường, nhận thấy: Theo ông khai, ông mượn đất của bà P (thửa 77, 78 tờ bản đồ số 45 xã PK) để trồng dứa, quá trình trồng ông có đào mương dẫn nước, nhưng lời khai của ông không được bà P thừa nhận và ông cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh có mượn đất của bà P và tài sản trên đất của bà P là do ông đầu tư. Lời khai của nhân chứng do ông cung cấp và lời khai của cán bộ xã PK (bút lục 53 đến 57) cũng chỉ xác định được việc ông có trồng dứa trên đất tại khu Công nghiệp Ông Kèo, ấp 3 xã PK, mà không xác định cụ thể ông có trồng dứa trên đất bà P. Do đó, cấp sơ thẩm bác khởi kiện của ông buộc bà P trả tiền bồi thường công đào mương và tiền cây dứa trên đất bà P là có căn cứ. Ông kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận.

Xét kháng cáo của bà P không đồng ý trả ông tiền bồi cây dứa trên đất bà D mà bà đã nhận, nhận thấy: Bà D thừa nhận cây dứa trên đất của bà (thửa 87, 109, tờ bản đồ số 45 xã PK) không phải do bà hay bà P trồng, khi kiểm kê tài sản bà đồng ý quy chủ cho bà P nhận tiền bồi thường (bút lục 43, 44). Như vậy, số dứa trên đất bà D không phải do bà D trồng và bà P cũng không có chứng cứ gì chứng minh mình trồng số dứa này, trong khi lời khai của các nhân chứng và chính quyền địa phương xác định ông có trồng dứa trên đất tại khu Công nghiệp Ông Kèo, ấp 3, xã PK. Do đó, có căn cứ xác định cây dứa trên đất bà D là của

ông , không phải của bà P, nhưng bà P lại nhận tiền bồi thường là không đúng. Cấp sơ thẩm xét xử buộc bà P trả lại ông tiền bồi thường cây dứa Cayen trồng trên đất của bà D thành tiền 119.000.000đ mà bà P đã nhận là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự. Bà P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: Ông phải chịu theo quy định, bà P được miễn án phí do là người cao tuổi.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo của ông PNH, bà NTP, giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 111/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện NT.

Áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng khoản 4, Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông PNH đối với bị đơn bà NTP về việc "*Tranh chấp tiền bồi thường tài sản trên đất*".

Buộc bà NTP trả cho ông PNH số tiền 119.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông PNH về việc tranh chấp số tiền bồi thường 198.320.000 đồng đối với 14.000 cây dứa Cayen và mương đào đối với bị đơn bà NTP.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông PNH về việc tranh chấp tiền lãi số tiền 273.788.500 đồng với bị đơn bà NTP.

Về án phí: Ông PNH phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 9.916.000đ và 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 13.820.000đ theo biên lai thu số 007574 ngày 16/11/2017 và tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 004498 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NT được trừ vào án phí ông phải chịu. Hoàn trả ông 3.904.000đ án phí còn dư.

Bà NTP được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân huyện NT;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện NT;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn phòng và Thẩm phán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Ngô Thanh Sỹ - Nguyễn Công Sự

Thẩm phán Chủ tọa

Vũ Thị Thu